TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **24**/2018/QĐST-HNGĐ	*Kiên Lương, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thúy D** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 12, đường M , khu phố C , thị trấn K , huyện K , tỉnh K .

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn V –** sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 12, đường M , khu phố C , thị trấn K, huyện K , tỉnh K .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N

Trụ sở chính: Số 02, đường L , quận B , thành phố H .

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K , chức vụ chủ tịch hội đồng thành viên ngân hàng N .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức K , chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N (Chi nhánh huyện K) theo quyết định số 510 ngày 16/6/2014.

Ông K ủy quyền lại cho chị **Ong Thị Cẩm H** nhân viên ngân hàng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 01/UQ-NHNNKL ngày 06/02/2018.

Địa chỉ: Số 01, đường H , khu phố C thị trấn K , huyện K , tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thúy D và anh Phạm Văn V .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên thống nhất giao 02 con chung là Phạm Minh H sinh ngày 18/02/2016 và Phạm Minh T sinh ngày 21/5/2017 cho chị D nuôi dưỡng. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa con là 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 3/2018 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Anh V được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh V.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của chị D.

- Về tài sản chung: Hai bên đã thống nhất thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Chị D và anh V có nợ ngân hàng N nhưng đã thỏa thuận được với ngân hàng và ngân hàng cũng đồng ý nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí HNGĐ-ST là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng chị D tự nguyện nộp hết, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 4.675.000 đồng theo biên lai thu số 0001713 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Sau khi đối trừ chị D được nhận lại 4.375.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sữa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sữa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sữa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng